

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2025/HS-PT

Ngày: 31 -12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/12/2025 và 31/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở B) xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 504/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trung K (tên gọi khác: không), sinh năm 1980, tại: Ninh Bình; Số CCCD: 070080001579; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đoàn thể, đảng phái): không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1952 (còn sống) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952 (còn sống); có vợ tên Tăng Thị H1, sinh năm 1980 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2019; nơi đăng ký thường trú: khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/05/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo khác trong vụ án nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/01/2025, Nông Văn T, sinh năm 2005, là con của bà Đỗ Thị H2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cũ (nay là Công an tỉnh Đ) khởi tố, tạm giam về hành vi “Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng”. Khi biết T bị tạm giam, do thương con nên bà Đỗ Thị H2 đã tìm hiểu các mối quan hệ để xin cho T được “tại ngoại”, thông qua người thân bà H2 biết được bà Nguyễn Thị T1 là chị họ của H2, có con là Phạm Duy L từng bị đi tù về nên bà H2 tâm sự với T1, nhờ người xin cho T. Khi nghe H2 nói vậy, T1 nhận lời sẽ tìm người giúp H2 xin cho T được tại ngoại nhưng phải mất tiền thì H2 đồng ý. Sau đó, T1 đã kể và bàn bạc với Phạm Duy L, nói L tìm cách xin tại ngoại cho T với giá 250.000.000đồng, nhưng phải tìm người giả làm công an đến gặp H2 để H2 tin tưởng giao tiền. Sau đó, L gặp Nguyễn Trung K nhờ K đóng giả làm Công an đi gặp bà H2 nói chuyện và hứa sẽ chia tiền cho K, thì K đồng ý.

Từ ngày 19/02/2025 đến 14/03/2025, Nguyễn Trung K đóng giả cán bộ Công an tỉnh B tên là S, cùng L, T1 gặp bà H2 nói chuyện xin tại ngoại cho T để lừa bà H2. Do tin tưởng T1, K, L có thể xin cho T được tại ngoại, bà H2 đã 02 lần đưa tiền, cụ thể: Lần thứ nhất: Ngày 19/02/2025, bà H2 đưa 10.000.000 đồng tiền mặt cho T1 tại khu vực ngã tư xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cũ (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai), L và K không biết; Lần thứ hai: Ngày 14/03/2025, bà H2 đưa 240.000.000 đồng tiền mặt cho Nguyễn Trung K tại quán ăn Đ, đường L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cũ (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), K yêu cầu bà H2 đưa thêm 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, K đưa lại cho L và L đưa cho bà T1. Cùng ngày, bà H2 chuyển khoản 10.000.000đồng vào tài khoản của Phạm Duy L. Sau khi nhận được 260.000.000 đồng, T1 và L đã chia cho Nguyễn Trung K số tiền 30.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng Lãng chuyển khoản cho K (S) và 20.000.000 đồng tiền mặt), K đưa lại cho L mượn 2.000.000 đồng; T1 đưa cho L 25.000.000 đồng.

Do, T không được tại ngoại, bà H2 nhiều lần yêu cầu T1, K, L trả lại tiền nhưng T1, K, L không trả nên ngày 09/05/2025 bà H2 đã gửi đơn tố cáo đến Công an tỉnh B.

Ngày 13/05/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị T1, Phạm Duy L, Nguyễn Trung K.

Ngoài ra, T1 khai đưa 20.000.000 đồng vào đầu tháng 3/2025 cho ông Hồ Quang T2 để hỏi thông tin liên quan đến vụ án của T, cho ông T2 vay 5.000.000 đồng. Thông qua người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch đến uống nước tại quán tạp hóa của T1), T1 đưa cho người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch trước công Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước) 60.000.000 đồng để xin tại ngoại khi hồ sơ của T chuyển qua Tòa án. Quá trình điều tra đã tiến hành đối chất ông

T2 khai không nhận của T1 25.000.000 đồng. T1 cất giấu ở nhà 75.000.000 đồng, cho vay 10.000.000 đồng, đóng án phí 35.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2025.

Miễn hình phạt bổ sung do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bố tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, bị cáo Nguyễn Trung K có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Trung K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trung K do chứng cứ mà bị cáo cung cấp tại phiên tòa không đủ cơ sở để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án sơ thẩm đã xác định. Xét, lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định: khi được bà Đỗ Thị H2 tâm sự muốn nhờ người xin cho con trai bà H2 là Nông Văn T được tại ngoại, không bị tạm giam bị cáo Nguyễn Thị T1 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà H2. T1 bàn bạc với Phạm Duy L (con trai T1), sau đó L rủ Nguyễn Trung K

cùng tham gia. T1, L và K đã thống nhất để K đóng giả làm cán bộ Công an tỉnh B với tên S cùng T1 và L gặp gỡ, trao đổi khiến bà H2 tin tưởng 02 lần giao tiền, cụ thể: lần thứ nhất: Ngày 19/02/2025, bà H2 đưa cho T1 10.000.000 đồng tại ngã tư xã T, B, Bình Phước (cũ); lần thứ hai: ngày 14/03/2025, bà H2 đưa cho K 240.000.000 đồng tại quán Đ ở đường L, phường T, Đ, Bình Phước (cũ) và đưa cho T1 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được tổng số tiền 260.000.000 đồng từ bà H2, T1 và L đã chia cho K 30.000.000 đồng, L 27.000.000 đồng, T1 205.000.000 đồng. Các bị cáo đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được của bà H2 vào việc trả nợ và tiêu sài cá nhân. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Trong vụ án, bị cáo đóng giả là cán bộ Công an tỉnh để gặp gỡ, trao đổi khiến bị hại tin tưởng và giao tiền, thậm chí khi nhận được 240.000.000 đồng bị cáo còn yêu cầu bị hại phải giao thêm 10.000.000 đồng, thể hiện bị cáo K là đồng phạm với vai trò thực hành tích cực. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có con còn nhỏ, có mẹ là người có công, được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen và xử phạt bị cáo mức hình phạt 7 năm tù là nằm trong khung hình phạt của điều luật.

[5] Xét tính chất hành vi và mức độ hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan nhà nước, làm mất lòng tin giữa con người với con người trong xã hội. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị H xuất trình cho Hội đồng xét xử bản phô tô Thẻ đảng của các ông Nguyễn Văn L1 mà bị cáo cho rằng ông L1 là ông nội của bị cáo và ông Nguyễn Xuân R là ông ngoại bị cáo; bản sao Giấy chứng nhận 30 năm tuổi đảng của ông R; Thẻ đảng viên của ông Nguyễn Mạnh H3, tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ T đường H của ông Nguyễn Mạnh H3 mà bị cáo cho rằng ông H3 là chú của bị cáo để làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, những văn bản, giấy tờ trên không đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm để đảm bảo hiệu quả của việc răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung K; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2025.

Miễn hình phạt bổ sung do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 9 – Đồng Nai;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do bị cáo Nguyễn Vũ Huy H4 đã rút kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ Huy H4, Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai về phần hình phạt có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Vũ Huy H4.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Phan Bích H5; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai về việc chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 65, 50, 58, 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 01 (một) năm tù 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (26/11/2025)

Giao bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Vũ Huy H4, bị cáo Nguyễn Phan Bích H5 không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 9 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Hiệp